

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 12 - 2024

Về việc “Tranh chấp ly hôn và
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thanh Thảo.

2. Ông Bùi Quang Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Minh Thiện.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Huỳnh L**, sinh năm 1996. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Số G, tổ C, ấp D, xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1996. (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh L trình bày:**

Vào năm 2013, sau một thời gian tìm hiểu chị và anh Nguyễn Hữu T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 07/3/2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Đình P (nam, sinh

ngày 18/4/2013) và cháu Nguyễn Trần Đình K (nam, sinh ngày 30/9/2021) hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và cháu K đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/11/2024, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:***

Vào năm 2013, sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Trần Thị Huỳnh L đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 07/3/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình bên vợ và chung sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh có ăn chơi, thiếu sự quan tâm vợ con nên khoảng tháng 3/2024 anh về nhà cha mẹ ruột của anh để sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh không có tới thăm con vì anh vợ đòi đánh anh, không cho anh tới nhà cha mẹ vợ. Anh còn thương vợ con nên anh đã nhiều lần năn nỉ chị L và hứa sửa đổi khuyết điểm để vợ chồng tiếp tục chung sống nuôi con nhưng chị L không đồng ý. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Đình P (nam, sinh ngày 18/4/2013) và cháu Nguyễn Trần Đình K (nam, sinh ngày 30/9/2021) hiện đang sống chung với chị L. Trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý cho chị L được nuôi dưỡng cháu P và cháu K đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh L có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu T vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Về xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ và giao nhận Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do đó việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với bị đơn, thừa nhận còn tình cảm với nguyên đơn, nhưng xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được, cả hai đã ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Cháu Nguyễn Trần Đình P, sinh ngày 18/4/2013 có nguyện vọng được sống chung với chị L và cháu Nguyễn Trần Đình K, sinh ngày 30/9/2021 hiện còn nhỏ. Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho các cháu, thiết nghĩ nên giao 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn cùng xác định không có.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị L và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị L khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào 07/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn. Trước đây, khi chị vừa sinh cháu P thì anh T đã ăn chơi và bỏ bê gia đình. Sau đó, chị khuyên can thì anh T có sửa đổi được một thời gian, đến cuối năm 2023 thì anh T lại tiếp tục ăn chơi, không lo lắng cho vợ con, chị phải tự đi làm

để lo chi phí nuôi con và trả nợ thay cho anh T. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội nhưng anh T vẫn không sửa đổi nên chị yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý hàn gắn với anh T.

Anh T thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh và chị L là do anh ăn chơi, gây nợ khiến chị L phải trả nợ thay cho anh, ngoài ra anh cũng thiếu sự quan tâm vợ con. Khoảng tháng 3/2024, anh về nhà cha mẹ ruột của anh để sống cho đến nay. Anh còn thương vợ con nên anh đã nhiều lần năn nỉ, hứa sửa đổi bản thân, cố gắng làm ăn để lo cho vợ con nhưng chị L không đồng ý hàn gắn với anh. Nay anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống, giữa chị L và anh T có mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị L làm đơn khởi kiện ly hôn. Mặc dù anh T có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được, phía chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh T cùng xác định, trong thời gian chung sống, chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Đình P (nam, sinh ngày 18/4/2013) và cháu Nguyễn Trần Đình K (nam, sinh ngày 30/9/2021) hiện đang sống chung với chị L. chị L có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và cháu K đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. anh T đồng ý. cháu P có nguyện vọng được sống chung với chị L.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, sự thỏa thuận này có đảm bảo mọi mặt về quyền lợi chính đáng của các cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu P và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích và đánh giá trên cho thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huỳnh L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Đình P (nam, sinh ngày 18/4/2013) và cháu Nguyễn Trần Đình K (nam, sinh ngày 30/9/2021) cho chị Trần Thị Huỳnh L nuôi dưỡng đến trưởng thành; anh Nguyễn Hữu T không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu P có nguyện vọng được sống chung với chị L.

Anh Nguyễn Hữu T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Huỳnh L và anh Nguyễn Hữu T cùng xác định không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Huỳnh L phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002078 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND X. Thới Hưng, H. Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

